TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
N: 21-11-2019
V/v: *Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và tranh chấp quyền sử dụng đất".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Cương; ông Lò Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

N 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST- DS, N 14 tháng 02 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thuê đất"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS, N 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Quàng Văn N, sinh năm 1957; Địa chỉ: Bản P, xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2/ Bị đơn: Bản N, xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La - Đại diện ông Lò Văn P, sinh năm 1979 - Chức vụ: Trưởng bản. Có mặt.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Cà Thị Đ, sinh năm 1959; Địa chỉ: Bản P, xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn ông Quàng Văn N như sau:

Gia đình ông sử dụng ổn định tổng diện tích đất 17.078,1m^2 tại khu vực L, thuộc bản P, xã ML, huyện S từ 1972 cho đến nay và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 54,36,55 tờ bản đồ số 8 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 692225 cấp N 06/10/2010, gia đình ông đã trồng cây ăn quả ổn định từ đó đến này, vào N 17/4/2014 ông Lò Văn P là trưởng bản N, xã ML đã huy động cộng đồng bản N đến chặt phá cây ăn quả gia đình ông cụ thể như sau: Cây nhãn đã cho ăn quả trên 10 năm 14 cây; cây xoan 23 cây; cây tre 43 cây; cây chanh 01 cây; cây gỗ tạp 08 cây; hàng rào cây bông dài 90m ngoài ra các sản phẩm quả nhãn, quả chanh và măng tre tổng thiệt hại là 48.407.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra gia đình ông đã báo cáo chính quyền địa phương đến thống kê kiểm đếm và yêu cầu bản N bồi thường thiệt hại. Nay ông yêu cầu cộng đồng bản N bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền là 48.407.000 đồng.

N 12 tháng 11 năm 2019 ông Quàng Văn N có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu bồi thường, ông yêu cầu cộng đồng bản N bồi thường giá trị cây ăn quả bị chặt phá với tổng số tiền 18.020.000đ (*mười tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).*

2/ Bị đơn cộng đồng bản N đại diện ông Lò Văn P trình bày: Bản N và bản P là hai bản tiếp giáp nhau và lấy khe suối L làm ranh giới giữa hai bản, từ những năm 1972 ông Quàng Văn T (bố đẻ ông Quàng Văn N) đã canh tác thửa đất giáp ranh giữa hai bản và có lấn chiếm sang đất của bản N để làm nương sau đó trồng cây ăn quả, như nhãn, chanh và trồng cây hoa màu khác mặc dù đã được hai bản giải quyết nhiều lần nhưng gia đình ông T nay là ông N không nhất trí trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm. Đến Năm 2014 cộng đồng bản N được UBND huyện, xã giao cho trồng rừng theo dự án, bản N đã họp thống nhất đòi lại diện tích đất gia đình ông N lấn chiếm từ trước để quy hoạch trồng rừng và đã được UBND xã hòa giải buộc gia đình ông N tự chắt phá tháo dỡ cây cối hoa màu trong vòng 07 N, nhưng đến N thứ ba ông N báo không trả, N thứ tư không thấy ông N phát dọn trả lại đất nên bà con bản N đã tự ý đến chặt phá cây ăn quả gia đình ông N để lấy lại đất để kịp tiến độ trồng rừng. Nay gia đình ông Quàng Văn N yêu cầu bồi

thường số tiền 48.407.000đ, Cộng đồng bản nhất trí bồi thường nhưng mức bồi thường theo giá quy định của của Nhà nước.

3/ N 28/3/2019 bị đơn cộng đồng bản N có đơn khởi kiện phản tố với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Tập thể bản N có đất tiếp giáp với bản P ở khe suối Huổi L từ trước đến nay hai bản N và bản P thống nhất lấy khe suối (nay các hộ đã làm ao, ruộng) làm ranh giới giữa hai bản, tính từ mép khe suối về phía bắc thuộc đất bản P, từ mép suối về phía đông thuộc đất bản N được quản lý và sử dụng. Vào giao đoạn năm 1990 – 1993 tập thể bản N đã từng canh tác làm nương rẫy, sau đó bản quy hoạch làm rừng sản xuất. Năm 1997 hộ gia đình ông Quàng Văn N lấn chiếm đã được hai bản họp đề nghị trả lại nhiều lần từ thời ông Quàng Văn Tân (bố ông N) làm nhưng không được gia đình ông N nhất trí trả lại đất cho đến nay.

Nay tập thể bản N yêu cầu ông Quàng Văn N trả lại đất cho bản N với diện tích đất khoảng 2.800m^2 và buộc ông N trả tiền hoa màu, hoa lợi sử dụng đất trong thời gian ông N canh tác từ năm 1997 cho đến năm 2019 tổng số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

4/ Đối với yêu cầu của bị đơn buộc gia đình ông Quàng Văn N và bà Cà Thị Đ trả lại diện tích đất lấn chiếm: Ông Quàng Văn N trình bày thửa đất đang tranh chấp là một phần của thửa số 54 tại tờ bản đồ số 8 với diện tích 16.37,1m^2 gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 692225 cấp N 06/10/2010 nên gia đình ông đã trồng cây sử dụng ổn định cho đến nay, nay bản N đòi ông trả đất và bồi thường tiền sử dụng đất từ năm 1997 cho đến nay với số tiền 50.000.000 đồng không nhất trí.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ N 18/6/2019 thửa đất tranh chấp được xác định: Có tổng diện tích 1.764m^2 có các tứ cạnh như sau: Phía bắc giáp bụi tre rộng 12m; phía tây giáp ao gia đình ông N và ao tập thể bản N (tính từ mép ao cách 3m) dài 140m; phía nam giáp rừng bản N rộng 5m; phía đông giáp rừng bạch đàn bản N dài 140m.

- Tại phiên tòa: Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm, đồng thời vẫn giữ ý kiến của mình.

- Tại phiên tòa bị đơn bản N rút yêu cầu phản tố buộc gia đình ông N bồi thường tiền hoa màu, sử dụng đất từ năm 1997 cho đến nay với số tiền 50.000.000 đồng và giữ nguyên yêu cầu buộc gia đình ông N trả lại diện tích 2.800m^2 đất gia đình ông N lấn chiếm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được phân công. Việc nhận đơn khởi kiện, xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp và xét thấy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại khoản 6,9 Điều 26 BLTTDS Tòa án đã thụ lý vụ án và ra thông báo thụ lý gửi cho Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn và bị đơn là chính xác, bảo đảm về độ tuổi và năng lực trách nhiệm dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ tiến hành công khai, khách quan đúng với quy định. Thẩm phán được phân công đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn là có căn cứ, đúng trình tự. Xét thấy nội dung vụ án không thể thỏa thuận được với đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Việc chuyển quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng với hồ sơ đến Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia phiên tòa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 293. Việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng trong vụ án được thẩm phán thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn quy định tại các Điều 170 đến 175, 177, 178 BLTTDS 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 6, 9 Điều 26; Điều 35; 39; 147; 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 131, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, 170; Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015; điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, N 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quàng Văn N. Buộc bản N, xã ML huyện S, tỉnh Sơn La bồi thường cho ông Quàng Văn N số tiền 18.020.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bản N. Buộc ông Quàng Văn N và bà Cà Thị Đ trả lại cho bản N phần diện tích đất 1.764m^2 . Phần đất trên thuộc một phần thửa đất số 67 tờ bản đồ số 8 vị trí tại khu L thuộc bản P, xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La.

3. Đình chỉ giải quyết việc bản N yêu cầu gia đình ông N bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng).*

4. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Quàng Văn N khởi kiện yêu cầu Cộng đồng bản N bồi thường thiệt hại về tài sản về giá trị cây ăn quả bị chặt phá của gia đình ông và N 28/3/2019 Cộng đồng bản N có yêu cầu phản tố buộc ông Quàng Văn N trả lại diện tích lấn chiếm và bồi thường tiền sử dụng đất cùng hoa lợi từ năm 1997 cho đến nay. Do tài sản yêu cầu bồi thường và phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La nên Hội đồng xét xử xác định đây là "bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và quan hệ tranh chấp đất đai" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 6, 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, yêu cầu buộc nguyên đơn ông N trả tiền sử dụng đất của bản N từ năm 1997 đến nay năm 2019 với số tiền 50.000.000 đồng và trả lại phần diện tích đất ông Quàng Văn N đang sử dụng trồng cây hoa màu trên đất.

Về quan hệ tranh chấp: Từ khi thụ lý Tòa án xác định "*tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" là chưa đủ do đó xác định lại *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo quy định khoản 6, 9 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 203 luật đất đai năm 2013.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Cà Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Năm 2010 gia đình ông được UBND huyện S, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AL 692226 cấp N 06/10/2010 trong đó có các thửa đất số 54,36, 55 tờ bản đồ số 8 tại khu vực L thuộc bản N có tổng diện tích 17.078,1m^2 là loại đất trồng lúa, trồng cây lâu năm và nuôi trồng

thủy sản trong đó có diện tích đất 1.764m^2 gia đình ông sử dụng và trồng cây ăn quả từ năm 1997 đã cho thu hoạch hàng năm, đến N 17 tháng 4 năm 2014 gia đình ông bị bà con bản N chặt phá cây cối hoa màu cụ thể: Cây nhãn đã cho ăn quả trên 10 năm 14 cây; cây xoan 23 cây; cây tre 43 cây; cây chanh 01 cây; cây gỗ tạp 08 cây; hàng rào cây bông dài 90m có biên bản kiểm tra đo đếm và có sự tham gia của đại diện nguyên đơn bị đơn và đại diện của bản N, bản P và đại diện UBND xã, tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có sự việc chặt phá cây của gia đình ông N vào N 17/4/2014, đúng về số lượng, trủng loại như ông N đã trình bày do đó đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Theo nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường các cây cối hoa màu bị chặt phá cụ thể như sau: Cây nhãn 14 x 1.119.000 = 15.666.000 đồng; cây xoan 23 x 82.400 = 1.895.000 đồng; cây chanh 01 x 275.000 = 275.000 đồng; cây tre 43 x 40.000 = 1.720.000 đồng; cây gô khác 08 x 82.400 = 659.000 đồng; hàng rào 90m x 6.300 = 567.000 đồng; quả nhãn 1.400kg x 8.500 = 11.900.000 đồng; quả chanh 15kg x 30.000 = 450.000 đồng; măng 16 búp x 15.000 = 240.000 đồng.

Bị đơn cho rằng đây là giá trị ông N tự đưa ra và yêu cầu định giá theo quy định của pháp luật. Ngày 24/10/2019 Hội đồng định giá tài sản đã định giá với tổng thiệt hại do bị đơn chặt phá cây cối hoa màu của gia đình ông Quàng Văn N có giá trị 18.020.000 đồng.(*mười tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) và tại phiên tòa Cộng đồng bản và ông Quàng Văn N nhất trí bồi thường theo mức định giá Ngày 24/10/2019, nên có đủ cơ sở xác định thiệt hại do cây cối bị chặt phá là 18.020.000đồng.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bản N cho rằng:

[4.1] Tập thể hai bản N và bản P, xã ML thống nhất lấy khe suối làm ranh giới giữa hai bản, tính từ mép khe suối về phía bắc thuộc đất bản P, từ mép suối về phía đông thuộc đất bản N quản lý và sử dụng. Năm 1997 hộ gia đình ông Quàng Văn N lấn chiếm phần đất của bản N, khu đất này đã được bản N quy hoạch làm đất rừng sản xuất, mặc dù đã được hai bản giải quyết nhiều lần nhưng gia đình ông Quàng Văn N không nhất trí và cho rằng thửa đất đang tranh chấp đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông thuộc một phần thửa số 54 tại tờ bản đồ số 8 với diện tích 16.37,1m^2 đã được GCNQSDĐ số AL 692225 cấp N 06/10/2010 do UBND huyện S cấp. Theo văn bản số 64/TNMT N 01/11/2019, sổ mục kê và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Phòng tài nguyên môi trường huyện S cung cấp cho biết thửa đất đang có tranh chấp không nằm trong diện tích

tại các thửa đất số 54,36, 55 tờ bản đồ số 8 tại khu L đã được cấp giấy CNQSDĐ N 06/10/2010 do UBND huyện S cấp số AL 692226 cho hộ gia đình ông Quàng Văn N và bà Cà Thị Đích mà là một phần thửa đất số 67 tờ bản đồ số 8 do Cộng đồng bản N quản lý và một phần thửa đất số 37 tờ bản đồ số 8 do UBND xã quản lý.

[4.2] Đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 8 tại khu L thuộc bản N, xã ML, huyện S theo sổ mục kê và sơ đồ địa chính thửa đất này do UBND xã quản lý, theo UBND xã ML, huyện S cho biết thửa đất này là rãnh thoát nước và các bờ ruộng, ao của các hộ liền kề đang quản lý và sử dụng, thửa đất này không nằm trong phần diện tích đang tranh chấp giữa bản N với hộ ông Quàng Văn N.

[4.3] Xét về hình thể thửa đất thấy: Thửa đất đang tranh chấp và thửa đất số 54 tại tờ bản đồ số 8 trong giấy CNQSDĐ số AL 692226 được UBND huyện cấp N 06/10/2010 cho hộ gia đình ông N tại khu vực huổi L là không liên thửa, hai thửa đất này cách nhau bởi suối L (nay là ao, ruộng).

[4.4] Đối với yêu cầu của bản N yêu cầu ông Quàng Văn N bồi thường tiền hoa lợi canh tác trên thửa đất của bản từ năm 1997 đến nay 2019 với tổng số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) nhưng không đưa ra chứng cứ, chứng minh tại phiên tòa đại diện Cộng đồng bản N ông Lò Văn P rút toàn bộ yêu cầu buộc ông N bồi thường số tiền trên. Xét thấy việc rút yêu cầu của bản N hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu phán tố của bản N.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn ông Quàng Văn N và bà Cà Thị Đ trả lại cho bản N tổng diện tích 1.764m^2 là có căn cứ cần được chấp nhận và đình chỉ giải quyết việc buộc gia đình ông N và bà Cà Thị Đ bồi thường số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng).*

[9] Án Phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bản N phải chịu án phí. Yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn ông Quàng Văn N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 6, 9 Điều 26; Điều 35; 39; 147; 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 131, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, 170; Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015; điểm a, khoản 2

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, N 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Quàng Văn N. Buộc bị đơn bản Ngay bồi thường cho gia đình ông Quàng Văn N số tiền 18.020.000đ *(mười tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).*

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bản N. Buộc ông Quàng Văn N và bà Cà Thị Đ trả lại cho bản N phần diện tích đất 1.764m^2 có tứ cận như sau: Phía bắc giáp bụi tre rộng 12m, phía đông giáp rừng bạch đàn của bản N dài 140m, phía nam giáp đất ông Quàng Văn N rộng 5m, phía tây giáp đất bờ ao, ruộng của ông Quàng Văn N và ao tập thể bản P dài 140m.(tính từ mép bờ ao, ruộng cách 03m). Phần đất trên thuộc một phần thửa đất số 67 tờ bản đồ số 8 vị trí tại khu L thuộc bản P, xã ML, huyện S, tỉnh Sơn La. *(có sơ đồ thửa đất kèm theo*).

- Đình chỉ giải quyết việc bản N yêu cầu gia đình ông N bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng).*

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Quàng Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002275 N 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sơn La. Ông N được hoàn trả số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng)

- Bản N phải chịu 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002309 N 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sơn La. Bản N được hoàn trả số tiền 850.000 đồng (*tám trăm năm mươi nghìn đồng)*

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 N, tính từ N tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 N kể từ N nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện S;
- CC THA DS huyện S;
-Các đương sự;
- Chánh án;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đèo Văn Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hà Văn Cương **Lò Văn Thôn**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đèo Văn Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phúc **Nguyễn Thế Chung** **Đèo Văn Quỳnh**

[4.3] Xét chứng cứ do bị đơn cung cấp trước đây vụ việc đã được UBND huyện giải quyết và ra quyết định nhưng UBND huyện đã thay đổi quyết định và đề nghị khởi kiện ra Tòa án để giải quyết theo xác minh giải quyết: Trước đây việc ông Quàng Văn Tân (bố ông Quàng Văn N) sử dụng thửa đất đang tranh chấp và đã được bản N đòi và được ông Tân đồng ý trả nhưng không thực hiện đến năm 1997 ông Quàng Văn N sử dụng đến năm 2014 bản N tiếp tục đề nghị UBND xã và Thanh tra huyện giải quyết việc bản N đòi lại đất của gia đình ông Quàng Văn N và ông N buộc bản N bồi thường chặt phá cây ăn quả và hoa màu: Theo các biên bản đối thoại giải quyết đều thể hiện việc bản N đến chặt phá cây cối hòa màu trên diện tích đất ông Quàng Văn N sử dụng là có sự thật, qua xác minh của các cơ quan có thẩm quyền đều khẳng định thửa đất đang tranh chấp nằm ngoài

giấy CNQSDĐ số AL 692226 N 06/10/2010 do UBND huyện S cấp cho gia đình ông Quàng Văn N và bà Cà Thị Đích.